

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH  
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/LHST

Ngày: 25/7/2019.

V/v Ly hôn;

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Thị Nga, Phạm Quốc Trung.

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Hằng - Thư ký TAND thành phố Hòa Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Khuất Duy Xuân Quý – Kiểm sát viên

Mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án thành phố ngày 25/7/2019, xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2019, giữa các đương sự sau:

1. Nguyễn đơn: anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: tổ 6, phường ĐT, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

*Có mặt tại phiên tòa*

2. Bị đơn: chị Trần Thị Ph, sinh năm 1969;

Địa chỉ: tổ 6, phường ĐT, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

*Có mặt tại phiên tòa*

3. Người liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh Gi, sinh năm 1959;

Địa chỉ: xóm 16, thôn Trà, N Hải, N Trục, N Định;

*Vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt.*

3.2. Ông Trần văn H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ 4, phố Ngọc, Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

*Vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*{1}Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn Nguyễn Văn N cho rằng:*

{1.1} Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị Phg là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân kéo dài, tình cảm không còn, nên xin được ly hôn.

{1.2} Về con chung: anh N cho rằng vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương, sinh ngày 25/7/1993. Cháu Phương đã trên 18 tuổi và đã kết hôn, nên không yêu cầu giải quyết.

{1.3} Về tài sản chung: anh N cho rằng trước đây vợ chồng có 02 mảnh đất và công trình xây dựng gắn liền với đất, 01 xe ô tô tải nhưng đã bán hết (Đất nhà bán cho anh Nguyễn Thanh Gi, ô tô bán cho anh Trần Văn H), không còn gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***{2} Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Trần Thị Ph cho rằng:***

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: chị Ph và anh N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân kéo dài; bản thân anh N không còn tình cảm với chị Ph, nên đã làm đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, chị Ph không đồng ý thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa xem xét theo luật định.

{2.2} Về con chung: Chị Ph cũng cho rằng vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương, sinh ngày 25/7/1993. Cháu Phương đã trên 18 tuổi và đã kết hôn, nên không yêu cầu giải quyết.

{2.3} Về tài sản chung: chị Ph cho rằng vợ chồng có các tài sản chung, gồm 02 mảnh đất và nhà xây gắn liền với đất, 01 xe ô tô tải và 600.000.000 đồng tiền bán đất, tổng giá trị quy đổi là 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng). Nay chị Ph yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

**{3} Anh Nguyễn Thanh Giang cho rằng:** anh Giang đã mua 02 mảnh đất và nhà ở, tài sản gắn liền với đất tại tổ 6, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình của vợ chồng Nguyễn Văn N, Trần Thị Ph. Việc mua bán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bản thân anh Giang đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản đó, nên không đồng ý với đề nghị chia tài sản của chị Ph.

**{4} Anh Trần Văn Hưng cho rằng:** anh Nguyễn Văn N đã bán xe ô tô tải cho anh Hưng và đang lái xe thuê cho anh Hưng, do đó tài sản là của anh Hưng, không được chia theo yêu cầu của chị Ph.

**{5} Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến như sau:**

{5.1} Nguyên đơn giữ nguyên các quan điểm đã nêu nhưng tự nguyện hỗ trợ cho chị Trần Thị Ph 50.000.000 đồng để ổn định cuộc sống.

{5.2} Bị đơn giữ nguyên quan điểm đã nêu;

{5.3} Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị anh N ly hôn với chị Ph.

- Con chung đã trên 18 tuổi, nên không giải quyết.

- Không thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị Ph trong cùng vụ án này, vì chị Ph không nộp tiền tạm ứng án phí mặc dù đã được Tòa tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

- Công nhận sự tự nguyện của anh N, theo đó anh N hỗ trợ cho chị Ph 50.000.000 đồng để ổn định cuộc sống.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

{6}. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn N, chị Trần Thị Ph là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không hạnh phúc; đã ly thân kéo dài; cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Nay anh N xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên được chấp nhận.

{7} Về con chung: các đương sự có 01 con chung là Nguyễn Thị Phượng nhưng đã trên 18 tuổi và đã kết hôn, nên không đề cập.

{8} Về tài sản: anh N cho rằng vợ chồng không còn tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ph cho rằng vợ chồng có các tài sản chung, gồm: 02 mảnh đất và nhà xây trên đất tại tổ 6, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, 01 xe ô tô tải và 600.000.000 đồng tiền bán đất, với tổng giá trị quy đổi là 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng) và yêu cầu Tòa chia theo quy định của pháp luật. Tòa án đã giao cho chị Ph thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản đó, nhưng chị Ph không nộp. Căn cứ các điều 9, 17, 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, Tòa chưa thụ lý và chưa giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của chị Ph trong cùng vụ án này.

{9} Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N tự nguyện hỗ trợ cho chị Trần Thị Ph 50.000.000 đồng để ổn định cuộc sống. Sự tự nguyện của anh N phù hợp pháp luật, nên được công nhận.

{10}. Về án phí: nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Bởi vậy;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 17, 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Nguyễn Văn N ly hôn với chị Trần Thị Ph.
2. Về con chung: đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, nên không giải quyết;
3. Về tài sản: Tòa không giải quyết trong cùng vụ án này.
4. Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn N, theo đó anh N hỗ trợ cho chị Trần Thị Ph 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), để ổn định cuộc sống.
5. Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, theo biên lai thu tiền số 0001837 ngày 25/3/2019, nay không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.  
Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận kết quả xét xử.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND thành phố Hòa Bình;
- CCThị hành án DS thành phố;
- UBND phường Chăm Mát;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Chủ tọa phiên tòa**